TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-ST
Ngày: 19-9-2023.
V/v "Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tẻo;

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thiên H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 3219, tổ 4, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:*

1. Chị Phùng Kim T, sinh năm 1977.

2. Anh Phùng Kim D, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Số 21, hẻm 17, đường TĐ, khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Trương Thị E, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Anh Nguyễn Văn O, sinh năm: 1992.

4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bà H và bà E có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thiên H trình bày:

Bà H yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản phần đất có diện tích 360 m^2, thuộc thửa đất số 482, tờ bản đồ số 3D, tọa lạc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 593361 cấp ngày 25/4/2007 do bà và ông Phùng Kim I đứng tên. Cụ thể: Bà đồng ý chuyển nhượng cho bà Liệng diện tích 112 m^2, còn lại bao nhiêu, bà yêu cầu được chia tài sản chung 50% quyền sử dụng phần đất và bà có trách nhiệm trả nợ cho bà L 55.000.000 đồng; còn lại 50% quyền sử dụng đất của ông U, sau khi khấu trừ tiền nợ bà L 55.000.000 đồng còn lại bao nhiêu thì bà yêu cầu chia thừa kế cho 03 người (bà, chị T và anh D) mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau.

Bà và chồng bà tên Phùng Kim I (sinh năm 1951, chết năm 2022) tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1985, không có đăng ký hôn, vợ chồng chung sống không có con chung. Tuy nhiên ông U có 02 người con riêng gồm:

1. Phùng Kim T;

2. Phùng Kim D.

Ngoài ra ông U không còn con chung, con riêng hay con nuôi nào khác và cha mẹ ông U đã chết trước ông U.

Khi ông U chết không để lại di chúc, hiện tại phần đất do bà H đang quản lý sử dụng. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc do bà và ông U tạo lập được, năm 2007 bà và ông U đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa được Nhà nước xây tặng vào năm 2006 do ông U là thương binh 2/4 được hưởng chế độ hàng tháng. Đến năm 2019 vì cả ông bà tuổi đã cao không làm gì ra tiền, kinh tế khó khăn, trong khi ông U bị bệnh không có tiền điều trị, con ông U không lo, hơn nữa thấy bà Trương Thị E không có chỗ ở và để có người bầu bạn tâm sự lúc tuổi già nên vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho bà Liệng phần đất phía sau diện tích ngang 06 mét, dài 20 mét, thuộc một phần thửa đất số 482, tờ bản đồ số 3D, tọa lạc ở ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Việc chuyển nhượng có làm giấy tay và hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ giao đất, trả đủ tiền và bà Liệng đã tiến hành xây cất nhà ở trên đất từ năm 2019 cho đến nay. Sau đó hai bên có đến Ủy ban nhân dân xã thực hiện thủ tục chuyển nhượng sang tên nhưng không được do không đảm bảo diện tích tách thửa theo quy định.

Thời gian ông U còn sống bà và ông U có vay Ngân hàng 60.000.000 đồng để chi phí điều trị bệnh cho ông U, có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất nêu trên. Sau khi ông U chết, bà mượn của bà L số tiền 110.000.000 đồng để chi phí mai táng, xây mã mồ cho ông U, trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà giao cho bà L giữ để làm tin.

Trường hợp các con ông U không ai nhận đất thì bà đồng ý nhận quyền sử dụng đất, bà có trách nhiệm thanh toán lại giá trị. Bà chỉ yêu cầu chia đất, không yêu cầu chia tài sản trên đất.

- *Bị đơn chị Phùng Kim T trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2023 chị đồng ý chia thừa kế tài sản theo yêu cầu của bà H. Chị thống nhất sau khi khấu trừ quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho bà E và khấu trừ nghĩa vụ của cha chị còn lại bao nhiêu thì chia theo quy định pháp luật. Chị yêu cầu được nhận giá trị. Trường hợp bà H yêu cầu nhận quyền sử dụng đất thì có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho chị.

Do bận đi làm nên chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn anh Phùng Kim D trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2023, anh không yêu cầu được hưởng thừa kế tài sản của cha anh Phùng Kim I chết để lại. Trường hợp được chia, phần của anh được hưởng anh đồng ý giao lại cho bà H được quyền sử dụng.

Do bận đi làm nên anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Luyện trình bày:*

Năm 2019 bà H, ông U có chuyển nhượng cho bà phần đất có diện tích chiều ngang 06 mét, chiều dài 20 mét, giá 30.000.000 đồng. Vị trí phần đất chuyển nhượng cho bà ở phía sau nhà ông U. Vì thấy bà khó khăn không có nhà đất ở và để ở gần bầu bạn nên ông bà bán giá rẻ, hơn nữa cũng tạo điều kiện cho bà trả nhiều lần. Khi chuyển nhượng ông U và bà H có làm giấy tay tuy nhiên đã bị thất lạc, bà chỉ còn giữ Giấy tay sang nhượng đất do bà H viết lại cho bà sau khi ông U chết vào ngày 30/8/2022 có xác nhận của Trưởng ấp là ông Trần Văn Khỏi ngày 06/9/2022. Hai bên không thỏa thuận khi nào sẽ tiến hành làm thủ tục sang tên, chỉ nói miệng khi nào làm thủ tục sang tên được thì làm, thời điểm chuyển nhượng hai bên có đến Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận và được địa chính xã cho rằng không làm thủ tục sang tên được do diện tích tách thửa không đảm bảo theo quy định. Hiện tại bà đã trả đủ tiền, ông U đã giao đất và bà đã xây cất nhà ở từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay.

Do đó bà yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất buộc bà H và những người thừa kế của ông U có trách nhiệm làm thủ tục sang tên phần đất diện tích 112 m^2, thuộc một phần thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13 VN2000 (tương ứng một phần thửa đất số 482, tờ bản đồ số 3D), tọa lạc ấp Thuận Hòa, xã Lợi Thuận huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà thừa nhận có cất nhà lấn sang phần đất của bà H diện tích 6,7 m^2, phần này bà sẽ tự nguyện tháo dỡ để trả lại đất cho bà H khi bà H yêu cầu.

Bà thừa nhận khi nhận chuyển nhượng bà biết phần đất không làm thủ tục tách thửa được và không có lối đi ra đường công cộng phải đi nhờ qua đất của người khác nhưng vì quá khó khăn không có đất để ở, bà thấy ông U bà H thương tình bán rẻ lại tạo điều kiện cho bà trả nhiều lần. Bà nhận chuyển nhượng mục đích để ở nên chỉ cần có làm giấy tay chuyển nhượng là được. Hiện tại bà đang thương lượng với chủ đất liền kề để có lối đi ra đường công cộng. Khi tiến hành xây cất nhà và mái che có lấn qua phần đất giáp ranh, vì bà thấy phần đất trống chủ đất chưa có nhu cầu sử dụng, tuy nhiên phần này không ai tranh chấp, nếu chủ đất yêu cầu tháo dỡ bà sẽ tháo dỡ trả lại đất.

Trường hợp không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thì bà vẫn tiếp tục ở trên đất, không làm thủ tục sang tên cũng được vì bà rất nghèo khổ không có chỗ ở nào khác, bà không đồng ý nhận lại tiền.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh O và anh N trình bày:* Thống nhất ý kiến với mẹ ruột là bà E.

Do bận công việc nên anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà và bà H là hàng xóm láng giềng với nhau, vợ chồng bà H sống không có con chung. Sau khi ông U chết, đến hạn trả nợ Ngân hàng mà không có tiền trả, sợ Ngân hàng phát mãi nhà và đất, hơn nữa chi phí chữa bệnh, chi phí mai táng và xây mồ mã cho ông U còn nợ nên bà H có vay của bà 02 lần. Cụ thể, lần một ngày 24/4/2022 vay 100.000.000 đồng, lần 2 ngày nào bà không nhớ nhưng cách lần thứ nhất khoảng 01 - 02 tháng vay thêm 10.000.000 đồng. Hai bên không có làm giấy mượn tiền vì ở gần nhà nên tin tưởng, bà H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà giữ để làm tin, không thỏa thuận thời hạn trả chỉ nói miệng khi nào bán đất được sẽ trả, nhưng sau đó không bán được vì con của ông U không đồng ý ký tên; thỏa thuận lãi suất 300.000 đồng/ tháng, tuy nhiên từ ngày vay đến nay bà H không có trả khoản tiền lãi nào. Do đó, bà yêu cầu bà H và những người thừa kế của ông U có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 110.000.000 đồng trước khi phân chia di sản thừa kế. Vì số nợ này mục đích trả nợ vay Ngân hàng khi ông U còn sống và chi phí mai táng cho ông U, không yêu cầu tính lãi suất vì bà H hiện tại rất khó khăn, lớn tuổi lại sống một mình không làm gì tạo ra thu nhập. Bà đồng ý trả lại giấy đất cho bà H.

Do bận công việc nên bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 612, 615, 623, 649, 651, 658 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Luật người cao tuổi:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc "Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản" với chị T, anh D đối với phần đất có diện tích 240,6 m^2, thuộc thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13 VN2000 (tương ứng một phần thửa đất số 482, tờ bản đồ số 3D), tọa lạc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Ghi nhận anh D tặng cho phần di sản mình được hưởng cho bà H được quyền sử dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ người chết để lại của bà L đối với bà H, chị T và anh D với số tiền 110.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 112 m^2, thuộc một phần thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13 VN2000 (tương ứng một phần thửa đất số 482, tờ bản đồ số 3D), tọa lạc ấp Thuận Hòa, xã Lợi Thuận huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà H, bà E được miễn tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị T, anh D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà L, anh O và anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà H yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản nên cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản".

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 240,6 m^2, thuộc thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh do bà và ông U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia tài sản công trình trên đất. Chị T đồng ý, riêng anh D không yêu cầu được hưởng và trường hợp được chia thì anh đồng ý giao lại cho bà H được quyền sử dụng.

[4] Qua kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các đương sự thống nhất:

Phần đất tranh chấp có diện tích thực tế là 352,6 m^2, thuộc thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13 VN2000 (tương ứng thửa đất số 482, tờ bản đồ số 3D) do ông U và bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, phần đất chuyển nhượng cho bà E có diện tích 112 m^2.

Các đương sự xác định tài sản công trình trên đất gồm:

- 01 căn nhà tình nghĩa diện tích 68,5 m^2; 01 mái che trước diện tích 22,7 m^2; 01 mái che sau diện tích 8,3 m^2 và 01 nhà vệ sinh diện tích 04 m^2 là của bà H và ông U.

- 01 nhà xây tường gạch chưa tô, mái tôn, nền gạch diện tích 54,3 m^2; 01 nhà mái tôn, vách tôn, nền đất diện tích 24,1 m^2 và 01 nhà mái tôn, vách tôn, đòn tay cây tạp, nền đất diện tích 20,6 m^2 của bà E, anh O và anh N.

Ngoài ra không còn tài sản hay công trình gì khác trên đất.

Kết quả định giá: Phần đất tranh chấp có giá trị là: 352,6 m^2 x 1.120.000 đồng/m^2 = 394.912.000 (ba trăm chín mươi bốn triệu chín trăm mười hai nghìn) đồng.

Tài sản trên đất của bà H có giá trị là 100.775.848 (một trăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi tám) đồng và tài sản trên đất của bà E, anh O và anh N có giá trị là: 128.715.210 (một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười lăm nghìn hai trăm mười) đồng.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Ông U chết năm 2022 không để lại di chúc. Căn cứ theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu khởi kiện của bà H vẫn còn thời hiệu.

[6] Về hàng thừa kế và người thừa kế:

Ông U và bà H chung sống như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 nhưng không đăng ký kết hôn, nhưng việc chung sống là tự nguyện đến khi ông U chết. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, thừa nhận hôn nhân của ông U, bà H là hôn nhân thực tế và tài sản ông bà có được trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung hợp pháp nên bà H được chia tài sản chung và được hưởng di sản thừa kế của ông U.

Ông U chết năm 2022, có 02 con riêng là anh Phùng Kim D và chị Phùng Kim Thuỷ, ngoài ra không còn con riêng hay con nuôi nào khác và cha mẹ ông U đã chết trước đó. Khi ông U chết không để lại di chúc. Do đó, vợ và các con của ông U được hưởng gồm: Bà H, chị T và anh D.

[7] Xét yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn thấy rằng:

Trong quá trình chung sống ông U và bà H có tạo lập được tài sản là phần đất diện tích 352,6 m^2, thuộc thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13 VN2000 (tương ứng thửa đất số 482, tờ bản đồ số 3D), tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 593361 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp ngày 25/02/2007 cho ông Phùng Kim I và bà Phạm

Thiên H đứng tên. Xét thấy, phần đất trên do ông U, bà H tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên cần xác định đây là tài sản chung của ông U, bà H theo quy định Điều 33, 34 Luật hôn nhân gia đình. Khi còn sống ông U, bà H không thỏa thuận về chế độ chia tài sản nên cần chia đôi phần đất trên. Cụ thể, bà H được quyền sử dụng 50%, còn 50 % còn lại là di sản của ông U.

[8] Đối với yêu cầu của bà E: Các đương sự đều đồng ý chuyển nhượng cho bà E phần đất diện tích 112 m^2, thuộc một phần thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13 VN2000.

Xét thấy, việc chuyển nhượng nêu trên được thực hiện khi ông U còn sống và bà H cũng đồng ý. Mặc dù việc chuyển nhượng có vi phạm về hình thức hợp đồng nhưng các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ, bà E đã thanh toán hết khoản tiền nhận chuyển nhượng và ông U, bà H đã giao đất cho bà E xây cất nhà ở trên đất nên căn cứ theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật dân sự công nhận hiệu lực việc chuyển nhượng nêu trên. Do đó, yêu cầu của bà E có cơ sở chấp nhận.

[9] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L: Bà L yêu cầu bà H và những người thừa kế của ông U trả số tiền vay 110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà H đồng ý trả 55.000.000 đồng, còn lại 55.000.000 đồng là nghĩa vụ tài sản do ông U chết để lại bà yêu cầu khấu trừ vào di sản trước khi chia thừa kế. Chị T đồng ý. Do đó, yêu cầu của bà L là có căn cứ.

Xét thấy, khi còn sống ông U và bà H có vay Ngân hàng số tiền 60.000.000 đồng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Bến Cầu, đến khi ông U chết vẫn chưa thanh toán. Khi ông U chết vào năm 2022, bà H vay bà L số tiền 110.000.000 đồng để lo chi phí mai táng, xây mồ mã cho ông U và trả nợ cho Ngân hàng. Chính vì vậy cần xác định nợ chung của ông U và bà H là 60.000.000 đồng nên ông U, bà H mỗi người có nghĩa vụ trả 50%, tức là mỗi người có nghĩa vụ trả 30.000.000 đồng. Còn lại số tiền 50.000.000 đồng phát sinh sau khi ông U chết, các đương sự thống nhất đây là tiền chi phí mai táng, xây mồ mã cho ông U, nên cần xác định là phần nghĩa vụ của ông U chết để lại nên cần buộc các đồng thừa kế của ông U là bà H, anh D và chị Thuỷ có nghĩa vụ trả cho bà L trong phạm vi di sản do ông U để lại, cụ thể mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 26.666.000 (hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

[10] Xét yêu cầu chia thừa kế tài sản của nguyên đơn thấy rằng: Bà H, chị T đều thống nhất chia di sản của ông U chết để lại theo quy định của pháp luật sau khi khấu trừ diện tích đã chuyển nhượng cho bà E và nghĩa vụ của ông U để lại. Cụ thể:

[10.1] Tài sản chung của ông U và bà H có diện tích thực tế là 352,6 m^2, thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13 VN2000. Khấu trừ phần đất đã chuyển nhượng

cho bà E diện tích 112 m^2. Diện tích còn lại 240,6 m^2 là tài sản chung của ông U, bà H chia đôi mỗi người diện tích 120,3 m^2.

[10.2] Đối với phần di sản ông U chết để lại là diện tích 120,3 m^2 tương ứng giá trị (1.120.000 đồng/m^2) 134.736.000 đồng. Khấu trừ nghĩa vụ ông U chết để lại số tiền 80.000.0000 đồng nên còn lại số tiền 54.736.000 đồng chia cho bà H, anh D và chị Thuỷ mỗi người được hưởng 18.245.333 đồng (làm tròn số 18.245.000 đồng).

Xét thấy, bà H đồng ý nhận quyền sử dụng đất, bà thanh toán lại giá trị và trả nợ cho bà L, chị Thuỷ đồng ý. Do đó, cần giao bà H được quyền sử dụng đất, bà H có nghĩa vụ trả nợ cho bà L và thanh toán lại giá trị cho chị Thuỷ số tiền 18.245.000 đồng. Đối với phần di sản anh D được hưởng, anh đồng ý giao lại cho bà H được quyền sử dụng nên cần ghi nhận.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nên các đương sự phải chịu án phí; chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xét thấy bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Riêng phần di sản và nghĩa vụ phải thực hiện mà bà H nhận từ anh D, bà H phải chịu án phí. Đối với các chi phí tố tụng khác các đương sự phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 129, 500, 612, 615, 623, 649, 651, 658 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 33, 37, 66, 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 147, 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "Chia tài sản chung và thừa kế tài sản" của bà Phạm Thiên H đối với chị Phùng Kim T và anh Phùng Kim D.

- Bà Phạm Thiên H được quyền sử dụng phần đất diện tích 240,6 m^2 (136,5 m^2 đất ở tại nông thôn), thuộc thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13 (tương ứng thửa đất số 482, tờ bản đồ số 3D), tọa lạc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 593361 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp ngày 25/02/2007 cho ông Phùng Kim I và bà Phạm Thiên H đứng tên. Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa đất số 1024 dài 42,47 mét.

Hướng Tây giáp thửa đất số 158 dài 40,51 mét.

Hướng Nam giáp đường đất dài 6,10 mét.

Hướng Bắc giáp thửa đất số 1023 dài 5,69 mét.

- Bà Phạm Thiên H có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho chị T số tiền 18.245.000 đồng (mười tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trương Thị Luyện.

Bà Trương Thị Luyện được quyền sử dụng phần đất diện tích 112 m^2 (63,5 m^2 đất ở tại nông thôn) thuộc một phần thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 13 VN2000 (tương ứng một phần thửa đất số 482, tờ bản đồ số 3D), tọa lạc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 593361 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp ngày 25/02/2007 cho ông Phùng Kim I và bà Phạm Thiên H đứng tên. Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa đất số 1024 dài 20 mét.

Hướng Tây giáp thửa đất số 158 dài 20 mét.

Hướng Nam giáp thửa đất số 1023 dài 5,69 mét.

Hướng Bắc giáp thửa đất số 534 dài 5,56 mét.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ người chết để lại của bà Nguyễn Thị L.

- Bà Phạm Thiên H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

- Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thiên H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 593361 do ông Phùng Kim I và bà Phạm Thiên H đứng tên, được Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp ngày 25/4/2007.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với nội dung phần quyết định của bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

- Bà Phạm Thiên H không phải chịu án phí đối với phần chia tài sản chung và phần chia thừa kế tài sản mà bà được hưởng.

- Bà Phạm Thiên H và chị Phùng Kim T mỗi người phải chịu 912.000 (chín trăm mười hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần chia

thừa kế tài sản và mỗi người phải chịu 1.333.000 (một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Phạm Thiên H tự nguyện chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ghi nhận bà H đã nộp đủ và chi phí xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA.TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu bộ phận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui